TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:179 /2020/QĐST - HNGĐ	*Thái Thụy, ngày 20 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 203/2018/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Công Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn T, xã AT, huyện TT, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng NG

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Việt H – Cán bộ tín dụng quản lý khoản vay.

(Theo văn bản ủy quyền số 288/UQ-NHN.TT-TH ngày 09/10/2020 của Phó giám đốc phụ trách điều hành Chi nhánh TT).

- Quỹ tín dụng nhân dân xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Thái Ng– Chủ tịch HĐQT.

- Ngân hàng TMCP Bưu điện L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Tr - Phó trưởng phòng kiêm tổ trưởng tổ hỗ trợ hoạt động – phòng hỗ trợ hoạt động

(Theo văn bản giới thiệu số 14/2020/GGT ngày 10/12/2020 của Giám đốc Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thái Bình).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Công Đ và chị Nguyễn Thị D

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh Đ và chị D có hai con chung là Mai Nguyễn Hồng A, sinh ngày 23/4/1997 và Mai Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 27/6/2003. Con Mai Nguyễn Hồng A hiện đã trưởng thành anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng. Giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Mai Nguyễn Ngọc A. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị D mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2 Về việc phân chia nợ chung, tài sản chung:

2.2.1. Anh Đ, chị D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung, trách nhiệm trả nợ chung, cụ thể như sau:

2.2.2. Chị D được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 439 tờ bản đồ số 7 tại thôn N, xã TT; Diện tích diện tích sử dụng 100m^2 và 01 nhà 2 tầng, công trình phụ khép kín, sân, cổng, tường bao trên thửa đất này cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 08/12/2010, số ký kiệu BC 431783 (mang tên anh Mai Công Đ và chị Nguyễn Thị D). Chị D có trách nhiệm đề nghị Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất cho mình theo quy định của pháp luật.

2.2.3 Chị D có trách nhiệm trả toàn bộ khoản vay Quỹ tín dụng xã TT theo hợp đồng tín dụng dụng số 2019-2-01-00005/HĐTD ngày 30/01/2019 và toàn bộ khoản vay Ng– Chi nhánh TT theo hợp đồng tín dụng số 3408LAV2019 ngày 27/5/2019 khi Ngân hàng và Quỹ tín dụng có yêu cầu.

Anh Đ có trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện L theo Hợp đồng tín dụng HD0322051704320 ngày 23/5/2017, quá hạn hợp đồng mà

anh Đ chưa thanh toán thì anh Đ và chị D đều phải có trách nhiệm trả nợ chung khoản nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện L hàng có yêu cầu.

2.2.3 Ngoài tài sản chung đã tự thỏa thuận phân chia và đề nghị Tòa án ghi nhận đã nêu trên, chị D và anh Đ không yêu cầu giải quyết giải quyết đối với tài sản nào khác. Các đương sự không yêu cầu gì khác.

3. Về án phí: Anh Đ nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí anh Đ phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai số 0002320 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình
- UBND xã TA;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Lan